TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34 /2018/HNGĐ - ST. Ngày 29 -5-2018 *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sáng
2. Ông Nguyễn Văn Tiệm

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên toà:
Bà Đinh Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Đinh Thị Thanh N**, sinh năm 1982 (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Cù Xuân C**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Các đương sự đều có địa chỉ: Khu 8, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Đinh Thị Thanh N trình bày: Chị kết hôn với anh Cù Xuân C vào ngày 25 tháng 9 năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh C tại khu 8 xã V, huyện H, chị làm giáo viên trường mầm non tại xã V còn anh C làm Công nhân công ty lắp máy Lilama 69- 1 tại Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Chị đã về ở với bố mẹ đẻ

và vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, hai bên chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Cù Thanh H sinh ngày 03/7/2007 và cháu Cù Hà Bảo N1 sinh ngày 06/10/2012. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp: chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Cù Xuân C trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị N đã trình bày là đúng. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Cù Thanh H sinh ngày 03/7/2007 và cháu Cù Hà Bảo N1 sinh ngày 06/10/2012 như chị N trình bày. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Thanh H, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Hà Bảo N1.

Về tài sản chung**:** Anh xác định vợ chồng có những tài sản chung sau:

- 01 tủ 3 buồng gỗ xoan mua năm 2014. Hiện chị N đang quản lý.
- 02 chiếc giường đôi mua năm 2014. Hiện chị N đang quản lý
- 01 tủ lạnh (Không rõ nhãn hiệu) Ông T, bà T1 (bố mẹ anh C) đang quản lý.
- 01 ti vi Sam Sung 21 inh. Hiện chị N đang quản lý
- 01 xe máy Hon đa LAED màu trắng mua năm 2013. Hiện chị N đang quản lý.
- 01 bộ máy tính bàn ACER. Hiện chị N đang quản lý
- 01 bình nóng lạnh. Ông T, bà T1 (bố mẹ anh C) đang quản lý.

Về tài sản là tiền mặt: Anh xác định trong thời kỳ hôn nhân anh có gửi tiền lương về cho chị Nga để chi tiêu gia đình và chăm sóc con cái cụ thể:

1. Năm 2007 gửi số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng)
2. Năm 2008 gửi số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng)
3. Năm 2009 gửi số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng)
4. Năm 2010 gửi số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng)
5. Năm 2011 gửi số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)
6. Năm 2012 đến 2013 gửi số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

Tổng số là 176.000.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của vợ chồng anh đề nghị Tòa Tiến hành thẩm định và định giá và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung, tài cho vay chung và công sức đóng góp: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho chị N được ly hôn anh C. Về con chung giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Hà Bảo N1 sinh ngày 06/10/2012. Anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Thanh H sinh ngày 03/7/2007 kể từ tháng 6/2018 cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác. Về án phí LHST: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh C kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng về ở chung với bố mẹ đẻ anh anh C tại khu 8, xã V, huyện H, chị N công tác tại trường mầm non xã V, huyện H, còn anh C làm công nhân công ty lắp máy tại Lilama 69-1 tại Quảng Ninh. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống . Chị N, anh C đều xác nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Sự tự nguyện ly hôn của chị N, anh C phù hợp quy định của pháp luật, cần công nhận sự thuận tình ly hôn cho các bên đương sự.

[2]. Về con chung: Chị N, anh C xác nhận có hai con chung là cháu Cù Thanh H sinh ngày 03/7/2007 và cháu Cù Hà Bảo N1 sinh ngày 06/10/2012. Ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh C xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Thanh H.

HĐXX xét thấy: Ly hôn, chị N, anh C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét đến mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thực tế, tuy chị N có việc làm ổn định, có thu nhập nhưng hiện chị phải thuê nhà để ở không thể đảm bảo được cuộc sống của cả 3 mẹ con. Nguyện vọng của anh C sau ly hôn mỗi người nuôi một cháu là có căn cứ vì thực tế theo nguyện vọng của cháu H nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ nhưng cháu H đã có thể tự chăm sóc bản thân, cháu N1 còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ. Vì vậy HĐXX sẽ giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu H kể từ tháng 06/2018 cho đến khi các cháu thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung sau ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định và định giá và giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu anh C cung cấp chứng cứ chứng minh tài sản chung và chứng minh số tiền anh gửi cho chị Nga. Tòa án cũng đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho anh C. Hết thời hạn theo quy định của pháp luật, anh C không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Do vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết đình chỉ giải quyết một phần vụ án về tài sản. Sau khi nhận được quyết định đình chỉ, chị N, anh C không có ý kiến gì. HĐXX sẽ không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

[4] Về công nợ chung, tài cho vay chung và công sức đóng góp: Chị N, anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí LHST: Chị N phải chịu 300.000đ (Xác nhận đã nộp)

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình , khoản 4 Điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự , điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Thanh N và anh Cù Xuân C.

2- Về con chung: Xử giao chị Đinh Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Hà Bảo N1 sinh ngày 06/10/2012; anh Cù Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Thanh H sinh ngày 03/7/2007 kể từ tháng 06/2018 cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau ly hôn, chị N, anh C đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các thành viên hai bên gia đình không được cản trở chị N, anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3 - Về tài sản chung: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

4- Về công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị N, anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

5- Về án phí: Chị Đinh Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003341 ngày 9/11/2017 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa (Xác nhận đã nộp).

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- UBND xã V
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa
- Lưu HS-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc